TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HS-ST
Ngày: 31-5-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thúy Phượng;

2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Nối - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn C (C Ph), sinh năm 1994 tại thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 02, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Khóm 02, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ch (chết) và bà Đỗ Thị P; chưa có vợ và con.

Tiền án:

Ngày 21/6/2013, bị Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang, xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, chấp hành xong hình phạt ngày 22/02/2015.

Ngày 13/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang, xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, chấp hành xong hình phạt ngày 09/02/2018.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/3/2009, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang áp dụng xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng, về hành vi trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 01/01/2011.

Ngày 28/7/2011 bị Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, chấp hành xong hình phạt ngày 13/01/2013.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2018 đến nay, bị cáo có mặt.

2. Võ Văn K, sinh năm 1995 tại thị trấn TT, huyện TT, An Giang.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 02, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Khóm 02, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Kh và bà Võ Thị M; chưa có vợ và con;

Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 07/5/2019 đến nay, bị cáo có mặt.

Bị hại:

Ông Phạm Đức T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp AB, xã ĐY, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Thanh Tu, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp TT, xã TP, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Nguyễn Thị Lo, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khóm 01, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1994; nơi cư trú: Khóm 05, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang.

- Chị Nguyễn Ái V, sinh năm 2002; nơi cư trú: Khóm 06, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang.

Người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Tùng P, sinh năm 1981; nơi cư trú: Khóm 06, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang (cha ruột đại diện cho Nguyễn Ái V).

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Bà Võ Thị M, sinh năm 1979; nơi cư trú: Khóm 02, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, có mặt các bà: Lo, M. Những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ sáng ngày 08-11-2018, Đỗ Văn C, Võ Văn K cùng đi đến đường 3/2 thuộc khóm 02, thị trấn TT, huyện TT ngồi nói chuyện, C phát hiện có người giăng mùng ngủ phía sau đuôi 02 xe ô tô và có tiếng nhạc phát ra từ điện thoại di động cách chỗ C, K khoảng 06m. C nảy sinh ý định lấy trộm tài sản và rủ K cùng tham gia, K đồng ý. C phân công K cảnh giới, C dùng lưỡi lam rạch mùng lấy trộm của ông Nguyễn Thanh Tu 01 điện thoại di động hiệu Nokia 2, màu đen mang về nhà giao cho Nguyễn Ái V giữ và tiếp tục cùng K quay lại địa điểm cũ, K cảnh giới và C mở cửa cabin ô tô bên trái vào lấy trộm của ông Phạm Đức T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro màu vàng đồng.

Sau khi trộm được tài sản, C đưa cho K 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro, C giữ điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus và đưa lại cho Nguyễn Ái V giữ, K gặp V lấy lại điện thoại di động hiệu Nokia 2 trước đó C đã giao cho V, K đưa lại điện thoại di động Samsung J2 Pro và điện thoại di động hiệu Nokia 2 cho Nguyễn Thị Lo cất giữ, Lo lấy điện thoại di động Samsung J2 Pro đổi với điện thoại của Nguyễn Thị Ph để trừ nợ. Khi nhận điện thoại V, Lo, Ph không biết các điện thoại trên do C, K trộm cắp mà có. Ngày 09/11/2018 C, K đến Công an thị trấn TT đầu thú khai nhận hành vi của mình.

Ngày 16/11/2018 C bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TT khởi tố, tạm giam; ngày 22/01/2019, K bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 07/5/2019 K bị bắt, tạm giam.

Theo Kết luận định giá tài sản số 47/BB-TTHS ngày 15/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện TT kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng đồng đã qua sử dụng, có giá 800.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro, màu vàng đồng đã qua sử dụng, có giá 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia 2, màu đen, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, có giá 600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản đã định là 2.400.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Văn C, Võ Văn K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng.

Các bị cáo C, K khai nhận: Do cần tiền tiêu xài, nên khi phát hiện tiếng nhạc phát ra từ điện thoại đi động tại khu vực mùng ngủ, phía sau đuôi 02 xe ô tô, đậu trên đường 3/2 thuộc khóm 02, thị trấn TT, huyện TT vào khoảng 03 giờ sáng ngày 08/11/2018. C nảy sinh ý định lấy trộm tài sản, rủ K cùng thực hiện, K đồng ý và được C phân công làm nhiệm vụ cảnh giới, C thực hiện hành vi lấy trộm ba điện thoại như đã nêu. Trong số điện thoại lấy trộm các bị cáo chia nhau và giao cho V giữ điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus; Nguyễn Thị Lo giữ điện thoại di động Samsung J2 Pro và điện thoại di động hiệu Nokia 2. Lo lấy điện thoại di động Samsung J2 Pro đổi với điện thoại của Nguyễn Thị Ph để trừ nợ.

Các bị hại Nguyễn Thanh Tu, Phạm Đức T trình bày: Khoảng 19 giờ ngày 07/11/2018 các ông từ tỉnh Đồng Tháp đến khu vực chợ cá thuộc đường 3/2, khóm 02,

thị trấn TT thì trời tối. Ông Thanh Tu giăng mùng phía sau đuôi xe ô tô và mở điện thoại di động hiệu Nokia 2, phát nhạc đi ngủ; ông Đức T vào cabin xe ô tô ngủ và đặt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro dưới kính chắn gió. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 08/11/2018, ông Đức T thức giấc tìm điện thoại để xem giờ thì không thấy nên vào mùng kêu ông Thanh Tu dậy, ông Thanh Tu phát hiện điện thoại cũng bị mất và cùng trình báo Công an thị trấn TT. Hai ông yêu cầu được nhận lại các điện thoại đã mất, không yêu cầu xử lý hình sự cũng như yêu cầu bồi thường đối với các bị cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Ái V, Nguyễn Thị Lo, Nguyễn Thị Ph trình bày: Vào ngày 08/11/2018, V có mượn 01 điện thoại di động Nokia 2, màu đen của C để nghe nhạc, sau đó đưa điện thoại này lại cho K và V có cất giữ giúp C 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng đồng. Lo có nhận 01 điện thoại di động Nokia 2, màu đen, màn hình cảm ứng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro, màu vàng đồng từ K; Lo dùng điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro đổi với điện thoại của Ph để trừ tiền 500.000 đồng Lo nợ Ph. Ph có nhận 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro từ Lo và giao lại cho Lo 01 điện thoại di động loại bàn phím của Ph. V, Lo, Ph đều không biết các điện thoại trên do C, K trộm cắp mà có và đã giao nộp lại cho cơ quan Công an. Ph không có yêu cầu bồi thường gì.

Người làm chứng Võ Thị M cho biết: K tên theo giấy khai sinh và sổ hộ khẩu là Võ Văn K, sinh ngày 10/8/1995 tại bệnh viện huyện TT, cha ruột của K tên Trần Văn Kh, đã bỏ bà và K đi từ khi K còn nhỏ, bà đã bỏ mất giấy chứng sinh và lo làm ăn nên bà làm khai sinh cho K trễ hạn, họ của K được lấy theo họ của bà.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ.

Bản cáo trạng số 07/CT–VKS ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, truy tố bị cáo Đỗ Văn C, Võ Văn K cùng về tội "Trộm cắp tài sản".

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, phân tích các tình tiết tăng năng, giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đỗ Văn C từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 58, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung 2017, xử phạt bị cáo Võ Văn K từ 06 (sáu) tháng, đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không phạt bổ sung tiền đối với các bị cáo.

Đối với Nguyễn Ái V, Nguyễn Thị Lo và Nguyễn Thị Ph không biết các điện thoại di dộng đã nhận và cất giữ là tài sản do C, K trộm cắp mà có, nên Cơ quan Điều tra không khởi tố là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Nguyễn Thanh Tu, Phạm Đức T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ph không yêu cầu bồi thường, nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý:

Trả lại cho ông Nguyễn Thanh Tu 01 điện thoại di động Nokia 2, loại cảm ứng màu đen, số IMEI 1: 35337709191781, IMEI 2: 353377092071781;

Trả lại cho ông Phạm Đức T 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro, loại cảm ứng màu vàng đồng, số IMEI 1: 354802109138076814, IMEI 2: 354803109138076812 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng đồng, số IMEI: 35206606229036.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai các bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản số 47/BB-TTHS ngày 15/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện TT và các tài liệu, chứng cứ khác thu giữ trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ ngày 08-11-2018 tại khu vực đường 3/2 thuộc khóm 02, thị trấn TT, huyện TT, các bị cáo Đỗ Văn C, Võ Văn K đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 03 điện thoại di động có tổng trị giá 2.400.000 đồng. Các bị cáo C, K là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được điện thoại di động Nokia 2, loại cảm ứng màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro, loại cảm ứng màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng đồng là tài sản hợp pháp của các ông Nguyễn Thanh Tu, Phạm Đức T, nhưng vẫn lét lút lấy trộm là thể hiện ở lỗi cố ý trực tiếp. Cho nên Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố các bị cáo C, K về tội: " Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội.

Các bị cáo thực hiện rất cương quyết, thể hiện ở hành vi dùng lưỡi lam rạch mùng và lấy được 01 điện thoại thì không dừng lại mà sau về nhà các bị cáo tiếp tục quay mở cửa cabin ô tô lấy trộm thêm 02 điện thoại khác của ông Phạm Đức T. Các bị cáo đều là thanh niên, lẽ ra phải lao động chân chính tạo thu nhập hợp pháp nhưng lại tham lam, thích hưởng thụ mà bất chấp pháp luật thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm mục đích tiêu xài cá nhân, nên cần áp dụng mức chế tài hình phạt đối với các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành những người tốt, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, với mức độ nguy hiểm mà các bị cáo gây ra cho xã hội là khác nhau, lý lịch nhân thân của từng bị cáo cũng khác nhau, nên việc quyết định hình phạt cho từng bị cáo có khác nhau. Cụ thể như sau:

Đối với bị cáo C là người chủ mưu rủ bị cáo K cùng thực hiện hành vi lấy trộm tài sản, C với vai trò là người người thực hành dùng lưỡi lam rạch mùng và mở cửa cabin ô tô lấy trộm điện thoại di động, trước đó bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản với tình tiết tăng nặng tái phạm chưa được xóa án tích, nhưng lại tiếp tục phạm tội, nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu chế tài hình phạt với tình tiết định khung tăng nặng theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo K, lẽ ra khi nghe C rủ rê bị cáo phải biết từ chối và thuyết phục C từ bỏ ý định, nhưng bị cáo không làm được điều đó mà đồng ý ngay, tuy nhiên bị cáo chỉ giữ vai trò giúp sức, làm nhiệm vụ cảnh giới cho bị cáo C thực hiện hành vi, nên tính chất mức độ nguy hiểm mà bị cáo gây ra cho xã hội là thấp hơn bị cáo C.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo C, K đều thành khẩn khai báo ăn năn, hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và đầu thú khai nhận hành vi của mình, được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; riêng bị cáo K mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C. Riêng bị cáo K, xét không cần thiết tiếp tục tạm giam, mà nghĩ nên cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên cũng đủ để răn đe giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Thống nhất với quan điểm kiểm sát viên là các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định chỉ sinh sống bằng nghề làm thuê, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung tiền đối với các bị cáo.

Đối với Nguyễn Ái V, Nguyễn Thị Lo và Nguyễn Thị Ph không biết các điện thoại di dộng đã nhận và cất giữ là tài sản do C, K trộm cắp mà có nên Cơ quan Điều tra không khởi tố là có căn cứ.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Nguyễn Thanh Tu, Phạm Đức T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ph không có yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về vật chứng của vụ án: Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ. Bởi:

01 điện thoại di động Nokia 2, loại cảm ứng màu đen, số IMEI 1: 35337709191781, IMEI 2: 353377092071781;

01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro, loại cảm ứng màu vàng đồng, số IMEI 1: 354802109138076814, IMEI 2: 354803109138076812;

01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng đồng, số IMEI: 352066062290361.

Là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của các ông Nguyễn Thanh Tu, Phạm Đức T, cần xét tuyên trả là phù hợp.

[5] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn C (C Ph), Võ Văn K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn C 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam 09-11-2018 (ngày chín, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm mười tám).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 58, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn K 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án 31 tháng 5 năm 2019.

Giao bị cáo Võ Văn K cho Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên trả cho:

Ông Nguyễn Thanh Tu 01 điện thoại di động Nokia 2, loại cảm ứng màu đen, số IMEI 1: 35337709191781, IMEI 2: 353377092071781;

Ông Phạm Đức T 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro, loại cảm ứng màu vàng đồng, số IMEI 1: 354802109138076814, IMEI 2: 354803109138076812; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng đồng, số IMEI: 352066062290361.

(Vật tuyên trả theo biên bản giao nhận ngày 30-5-2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện TT với Chi cục thi hành án dân sự huyện TT).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đỗ Văn C (C Ph), Võ Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/5/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- TA tỉnh (01);
- VKS huyện TT (02);
- Sở Tư pháp An Giang (01);
- Cơ quan THAHS, HTTP (02);
- Phòng hồ sơ (01);
- Chi Cục THADS TT (01);
- Bộ phận THAHS.TA (01);
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

Lê Văn Huệ